

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 09/10/2022**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Hồ Hoàng Quốc Anh	Nam	01/9/1995	Nghệ An	6.0	7.0	1346/QĐ357/2022	TH004145	
2	Phạm Tuấn Anh	Nam	16/9/1973	Nghệ An	6	7.0	1347/QĐ357/2022	TH004146	
3	Trần Minh Ánh	Nữ	27/5/2000	Nghệ An	7.3	6.5	1348/QĐ357/2022	TH004147	
4	Phan Bá Bách	Nam	12/3/1999	Nghệ An	6.7	9.5	1349/QĐ357/2022	TH004148	
5	Nguyễn Hữu Công	Nam	07/01/1997	Nghệ An	7.7	8.0	1350/QĐ357/2022	TH004149	
6	Ngô Minh Đức	Nam	10/12/1996	Nghệ An	6.3	7.0	1351/QĐ357/2022	TH004150	
7	Dương Thị Hằng	Nữ	13/6/2000	Thanh Hóa	6.7	5.0	1352/QĐ357/2022	TH004151	
8	Tô Thị Hằng	Nữ	15/01/2001	Nghệ An	6.3	8.0	1353/QĐ357/2022	TH004152	
9	Ngô Thị Thanh Huệ	Nữ	26/9/1992	Nghệ An	5.3	7.5	1354/QĐ357/2022	TH004153	
10	Kha Thị Loan	Nữ	28/5/1996	Nghệ An	6.3	7.5	1355/QĐ357/2022	TH004154	
11	Trần Khắc Long	Nam	12/12/1977	Nghệ An	6.3	8.0	1356/QĐ357/2022	TH004155	
12	Võ Thị Quỳnh Nga	Nữ	21/02/1997	Nghệ An	7.0	6.0	1357/QĐ357/2022	TH004156	
13	Đinh Công Nhật	Nam	20/5/1998	Nghệ An	8.7	9.5	1358/QĐ357/2022	TH004157	
14	Hoàng Hùng Phong	Nam	15/09/1999	Nghệ An	6.0	7.5	1359/QĐ357/2022	TH004158	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
15	Nguyễn Thị Tuệ Phương	Nữ	07/9/2000	Nghệ An	7.3	8.0	1360/QĐ357/2022	TH004159	
16	Nguyễn Thị Quý	Nữ	24/11/1983	Nghệ An	7.0	7.5	1361/QĐ357/2022	TH004160	
17	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	02/8/1990	Nghệ An	6.7	9.0	1362/QĐ357/2022	TH004161	
18	Dương Thị Mai Sương	Nữ	24/10/1999	Nghệ An	6.3	6.0	1363/QĐ357/2022	TH004162	
19	Hồ Sỹ Thắng	Nam	01/5/1974	Nghệ An	6.7	5.0	1364/QĐ357/2022	TH004163	
20	Nguyễn Trần Thịnh	Nam	09/6/1990	Hà Tĩnh	6.7	9.0	1365/QĐ357/2022	TH004164	
21	Thái Thị Hải Yến	Nữ	26/7/1997	Nghệ An	7.0	7.5	1366/QĐ357/2022	TH004165	

